

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 13 - 01 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Tùng.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham
gia phiên tòa:*** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm,
tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
111/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con và nợ chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2021/QĐXXST
- HNGĐ ngày 06/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐST-HNGĐ
ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm B, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm B, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ **Ngân hàng C.**

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

* Người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Anh Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

* Người đại diện tham gia tố tụng ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm C, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn N quen biết nhau và được hai gia đình đồng ý nên có tổ chức đám cưới. Sau đó, hai người tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L (nay là UBND phường B), thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/1994. Thời gian chung sống hai người có tất cả 03 người con chung gồm: Nguyễn Thanh L, sinh ngày 04/01/1996, Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 16/3/2001 và Nguyễn Đăng H, sinh ngày 19/7/2004 hiện 03 con chung đang sống chung với bà. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có tạo lập một số tài sản chung gồm: 01 tủ áo giá trị 6.000.000 đồng, 01 ghế salon giá 6.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng bà có nợ của Ngân C phòng giao dịch N số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có cùng quan điểm, hay xảy ra mâu thuẫn với nhau, ông N thường hay ăn nhậu không lo làm ăn, không quan tâm gì với gì tới vợ con, nhiều lần bà khuyên can nhưng không nghe, hiện hai người đã ly thân với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung đối với con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 04/01/1996, Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 16/3/2001 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Riêng con chung tên Nguyễn Đăng H, sinh ngày 19/7/2004 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về nợ chung: Bà yêu cầu chia đôi số nợ vốn 20.000.000 đồng của Ngân hàng C phòng giao dịch N để trả. Đối với tiền lãi còn nợ đến khi xét xử sơ thẩm bà đồng ý chịu.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Văn N:** Vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên phía ông N vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

*** Anh Nguyễn Thanh L trình bày:** Anh là con chung của ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T đối với các yêu cầu của bà T thì anh không ý kiến gì. Hiện anh đang sống chung với mẹ do dịch bệnh nên không có đi làm.

*** Theo tường trình của Ngân hàng C:**

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mẫu số 01/TD; sổ vay vốn có mã KH số 7108643993 được lập ngày 07/6/2021 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có mã món vay số 6600000720832134 được ký nhận nợ vào ngày 18/6/2021, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18/6/2026 của ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Th và anh Nguyễn Thanh L địa chỉ khóm B, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo bản tính lãi ngày 13/01/2022 thì hiện ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh L còn nợ Ngân hàng C số tiền vốn là 20.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/01/2022 là 117.535 đồng.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông N; Về con chung đối với con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 04/01/1996, Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 16/3/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Riêng con chung tên Nguyễn Đăng H, sinh ngày 19/7/2004 đề nghị giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con được trưởng thành (18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn gốc 20.000.000 đồng của Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung. Đồng thời bị đơn có địa chỉ khóm B, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và người đại diện của Ngân hàng C, phòng giao dịch N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L (nay UBND phường B), thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/1994, lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy khai đăng ký kết hôn số 01/94 (BL 12). Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người hiện cũng đã ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm cuộc sống của nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và kiên quyết xin ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Theo nguyên đơn thì trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn với bị đơn có ba người con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 04/01/1996, Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 16/3/2001 và Nguyễn Đăng H, sinh ngày 19/7/2004. Đối với con chung tên Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thị Thanh L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Riêng con chung tên Nguyễn Đăng H hiện đang sống với nguyên đơn và nguyên đơn có yêu cầu được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện con chung là Nguyễn Đăng H đang có cuộc sống ổn định cùng với nguyên đơn. Đồng thời, H có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn với nhau. Từ đó, HĐXX thiết nghĩ giao con chung tên Nguyễn Đăng H cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền cho bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở bị đơn thực hiện quyền này. Riêng con chung tên Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thị Thanh L đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo nguyên đơn thì hiện vợ chồng bà đang nợ Ngân hàng C phòng giao dịch N số tiền là 20.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả. Theo các tài liệu do Ngân hàng C phòng giao dịch N cung cấp thì việc vay vốn là nhằm thực hiện phương án chăn nuôi heo sinh sản, sữa chuồng và thuộc đối tượng là hộ mới thoát nghèo. Xét thấy, mặc dù nguyên đơn là người đứng ra thay hộ để vay tiền của Ngân hàng. Nhưng nguyên đơn vay với mục đích làm ăn để phục vụ nhu cầu trong cuộc sống gia đình hằng ngày. Đồng thời, đây là khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia đôi số tiền nợ vay gốc 20.000.000 đồng của Ngân hàng để trả là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều của luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu chia đôi số nợ gốc, đối với tiền lãi còn lại cho đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn đồng ý chịu. Từ đó, đối với khoản nợ chung được chia

cụ thể như sau: Nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 117.535 đồng tính đến ngày 13/01/2022. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Trong trường hợp sau khi bản án có hiệu lực và các khoản nợ đến thời hạn thanh toán nhưng những người có nghĩa vụ không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện để yêu cầu thu hồi số nợ.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đăng H, sinh ngày 19/7/2004 cho nguyên đơn bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền cho ông Nguyễn Văn N được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Đối với các con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 04/01/1996, Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 16/3/2001 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu, tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung:

Nguyên đơn bà Lê Thị T có trách nhiệm đối với số tiền nợ Ngân hàng C tổng cộng 10.117.535 đồng (*mười triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*). Trong đó vốn gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 117.535 đồng. Kể từ ngày 14/01/2022 cho đến khi bà T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng C thì hàng

tháng bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mẫu số 01/TD; sổ vay vốn có mã KH số 7108643993 được lập ngày 07/6/2021.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm đối với số tiền nợ Ngân hàng C tổng cộng vốn gốc 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*). Kể từ ngày 14/01/2022 cho đến khi ông N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng C thì hàng tháng ông N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mẫu số 01/TD; sổ vay vốn có mã KH số 7108643993 được lập ngày 07/6/2021.

Trong trường hợp sau khi bản án có hiệu lực và các khoản nợ đến thời hạn thanh toán nhưng bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn N không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện để yêu cầu thu hồi số tiền còn nợ.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 525.000 đồng (*năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001025 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Bà T được nhận lại số tiền còn thừa là 225.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền nêu trên.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND phường B, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn